

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Hữu Bình** và bà **Lý Thúy Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Hương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/HNGĐ-ST, ngày 25/01/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Ngọc Thị H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

** Bị đơn:* Anh **Hồ Doãn M**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(Chị H và anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Ngọc Thị H trình bày:

Chị và anh Hồ Doãn M có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ dân phố 11, phường P, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm nên đã ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Hồ Doãn M.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hồ Doãn M có 01 con chung tên là Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015, hiện cháu H đang ở với chị. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị

H có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị H xác nhận chị và anh M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Doãn M trình bày:

Anh và chị Ngọc Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/02/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố 11, phường P, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được thuận tình ly hôn với chị Ngọc Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015, hiện cháu H đang ở với chị H. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên họp, hòa giải chị Ngọc Thị H có mặt, anh Hồ Doãn M đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh M đã gửi bản tự khai trình bày ý kiến của mình và đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 11, phường P, thành phố T. Từ năm 2015, chị H bỏ về nhà bố mẹ ở tổ dân phố 13, phường A ở cho đến nay, từ đó chị H và anh M đã sống ly thân. Gia đình cũng đã khuyên bảo, hòa giải nhưng chị H và anh M vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015, hiện cháu H đang ở với chị H. Chị H và anh M không có nhà đất ở địa phương, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Hồ Doãn M; chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hồ Doãn M cũng giữ nguyên ý kiến về việc nhất trí ly hôn với chị Ngọc Thị H vì mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn được; anh cũng đồng ý về việc giao con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015 cho chị H trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn, chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí. Anh M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc Thị H về việc xin ly hôn anh Hồ Doãn M.

Về con chung: Giao cháu Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015 cho chị Ngọc Thị H trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Doãn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H (do chị H không yêu cầu); anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngọc Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Hồ Doãn M không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M đều cư trú tại thành phố Tuyên Quang; ngày 19/01/2022 chị H gửi đơn khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình đến Tòa án; ngày 25/01/2022, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án và đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Chị H và anh M đều đã được triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/02/2013. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh M là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh M sống tại tổ dân phố 11, phường P, thành phố T. Trong quá trình chung sống, chị H và anh M đều xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm,

tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, hiện nay chị H và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa và đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc Thị H xin ly hôn anh Hồ Doãn M.

[3] Về con chung: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M có 01 con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với chị H; chị H có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H sau khi vợ chồng ly hôn, anh M nhất trí; ý kiến của chị H và anh M cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung (đối với cháu H), anh M nhất trí không có ý kiến gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Ngọc Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hồ Doãn M không phải chịu án phí của vụ án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc Thị H về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngọc Thị H được ly hôn anh Hồ Doãn M.
2. Về con chung: Giao cháu Hồ Gia H, sinh ngày 30/4/2015 cho chị Ngọc Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Doãn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị H không yêu cầu); Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ngọc Thị H và anh Hồ Doãn M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Ngọc Thị H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp

là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000205 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Hồ Doãn M không phải nộp án phí của vụ án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngạc Thị H và anh Hồ Doãn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường P, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang